

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phân công giáo viên quản lý CSDL ngành  
và nhập thông tin; điểm, nhận xét học sinh trên CSDL ngành  
Năm học 2025 - 2026**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS NGUYỄN BÌNH KHIÊM**

*Căn cứ:*

- *Nhiệm vụ, quyền hạn của Hiệu trưởng trong Điều lệ trường trung học, ban hành theo Thông tư số 32/2020/TT- BGDDT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;*
- *Chương trình GDPT ban hành kèm theo TT số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT (Chương trình GDPT 2018);*
- *Thông tư 22/2021/TT- BGDDT ngày 20/7/2021 quy định về đánh giá học sinh THCS, THPT (TT 22);*
- *Quyết định số 1062/QĐ-SDGDĐT ngày 19/06/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc ban hành quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống CSDL GDĐT Hải Phòng;*
- *Công văn số 2686/SGDDĐT-GDTrH/SGDDĐT-GDTrH ngày 05/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn triển khai Hệ thống CSDL GDĐT Hải Phòng;*
- *Căn cứ thực tế nhà trường năm học 2025-2026*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** phân công giáo viên quản lý CSDL ngành và nhập thông tin; điểm, nhận xét học sinh trên CSDL ngành năm học 2025 - 2026, gồm các đồng chí:

1. Đ/c Nguyễn Như Hiền - Hiệu trưởng - Quản lý chung.
2. Đ/c Nguyễn Trí Thanh - Phụ trách Tài khoản nhà trường (Admin), thực hiện các nhiệm vụ do đ/c Hiệu trưởng giao.
3. Các Cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện các nhiệm vụ theo phân quyền (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Các đồng chí có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này và đảm bảo an toàn, an ninh tuyệt đối dữ liệu của nhà trường;

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực từ ngày ký và được triển khai trong năm học 2025 - 2026 đến khi có Quyết định thay thế.

**Nơi nhận:**

- Sở GD&ĐT (b/c);
- UBND xã (b/c)
- Như điều 2 (t/h);
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Như Hiền**

Vinh Bảo, ngày      tháng 8 năm 2025

**DANH SÁCH**

**Phân công giáo viên quản lý CSDL ngành  
và nhập thông tin; điểm, nhận xét học sinh trên CSDL ngành  
Năm học 2025 - 2026**

(Kèm theo QĐ số    /QĐ-TrH ngày      tháng 8 năm 2025 của HT trường THCS NBK)

| T<br>T | Họ và tên              | Nhập thông tin, quản lý TK, nhận xét |                                                                 |
|--------|------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
|        |                        | Lớp<br>CN                            | Nhập điểm Môn/HĐGD                                              |
| 1      | Nguyễn Như Hiền        |                                      | HĐTN (7D)                                                       |
| 2      | Đặng Minh Tuấn         |                                      | Khoa học Tự nhiên (6B)                                          |
| 3      | Khúc Văn Bảo           |                                      | Giáo dục thể chất (6A, 6B, 6C, 6D, 9A, 9B, 9C, 9D, 9E, 9F)      |
| 4      | Phạm Văn Biển          | 7C                                   | Toán (7B, 7C), Khoa học Tự nhiên (9A, 9B, 9C)                   |
| 5      | Vũ Thị Hồng Duyên      | 9E                                   | Ngữ văn (9A, 9E), GDĐP (9A, 9B, 9C, 9D, 9E, 9F), HĐTN (9E)      |
| 6      | Nguyễn Thị Hương Giang | 8A                                   | Ngoại ngữ 1 (8A, 8B, 8C, 8D, 8E), HĐTN (8A)                     |
| 7      | Lê Thị Hà              | 8D                                   | GDĐP (7A, 7B, 7C), Ngữ văn (8B, 8C, 8D), HĐTN (8D)              |
| 8      | Trần Thu Hà            |                                      | Lịch sử và địa lý (6A, 6B), GDĐP (6A, 6B, 6C, 6D), Ngữ văn (6B) |
| 9      | Nguyễn Thị Hằng        | 9A                                   | Khoa học Tự nhiên (7B), Toán (9A, 9E), HĐTN (9A)                |
| 10     | Phạm Thị Hòa           |                                      | Công nghệ (7A, 7B, 7C, 7D, 7E), Tin học (7A, 7B, 7C, 7D, 7E)    |
| 11     | Nguyễn Thị Huệ         | 7A                                   | Ngữ văn (7A, 7D), HĐTN (7A), Lịch sử và địa lý (9D, 9E, 9F)     |
| 12     | Đỗ Viết Hưng           |                                      | KHTN (6C, 6D), Giáo dục thể chất (7A, 7B, 7C, 7D, 7E, 8E)       |
| 13     | Bùi Thị Hương          | 7B                                   | Ngữ văn (7B, 7C), HĐTN (7B), GDĐP (8A, 8B, 8C, 8D, 8E)          |
| 14     | Ngô Thị Minh Hương     | 7D                                   | Khoa học Tự nhiên (7D, 9D, 9E, 9F)                              |
| 15     | Nguyễn Thị Hương       |                                      | Nghệ thuật (6A, 6B, 6C, 6D, 9A, 9B, 9C, 9D, 9E, 9F)             |
| 16     | Đoàn Văn Lãm           | 9F                                   | Toán (8A, 9C, 9F), HĐTN (9F)                                    |
| 17     | Đào Thị Lanh           | 9D                                   | Ngữ văn (6D, 9B, 9D), HĐTN (9D)                                 |
| 18     | Nguyễn Thị Liên        |                                      | Khoa học Tự nhiên (8A, 8B, 8C, 8D, 8E)                          |
| 19     | Nguyễn Quỳnh Mai       |                                      | Khoa học Tự nhiên (6A), Toán (7A), HĐTN (7C)                    |
| 20     | Trần Thị Thanh Mai     | 6A                                   | Ngữ văn (6A), HĐTN (6A), LS-ĐL (7A,B), GDCC (8A,B,C,D,E)        |
| 21     | Nguyễn Thị Thúy Nga    |                                      | Lịch sử và địa lý (7C, 7D, 7E)                                  |
| 22     | Nguyễn Thị Thúy Nga    |                                      | GDCC (6A, 6B, 6C, 6D), Ngoại ngữ 1 (7A, 7D, 9A, 9C, 9E)         |
| 23     | Lê Minh Nghĩa          |                                      | Công nghệ (6A, 6B, 6C, 9A, 9B, 9C, 9E, 9F), GDTC (8A,B,C,D)     |
| 24     | Nguyễn Thị Nguyệt      |                                      | Ngoại ngữ 1 (6A, 6B, 6C, 6D, 9F), GDCC (7A, 7B, 7C, 7D, 7E)     |
| 25     | Phạm Văn Nhật          | 9B                                   | Toán (9B, 9D), HĐTN (9B), Công nghệ (9D)                        |
| 26     | Trần Thị Ngọc Oanh     | 6D                                   | Toán (6D, 7D, 7E), Công nghệ (6D), HĐTN (6D)                    |
| 27     | Phạm Thị Phú           | 8B                                   | Toán (6C, 8B), Khoa học Tự nhiên (7A, 7E), HĐTN (8B)            |
| 28     | Nguyễn Thị Phương      |                                      | Nghệ thuật (7A, 7B, 7C, 7D, 7E, 8A, 8B, 8C, 8D, 8E)             |

|    |                    |    |                                                                |
|----|--------------------|----|----------------------------------------------------------------|
| 29 | Nguyễn Thị Thu Quý | 7E | Ngoại ngữ 1 (7B, 7C, 7E, 9B, 9D), HĐTN (7E)                    |
| 30 | Nguyễn Trí Thanh   |    | Tin học (6A,B,C,D; 8A, 8B, 8C, 8D, 8E, 9A, 9B, 9C, 9D, 9E, 9F) |
| 31 | Phạm Thị Nga Thanh | 8E | Lịch sử và địa lý (8A, 8B, 8C, 9A, 9B, 9C), HĐTN (8E)          |
| 32 | Phạm Thị Thảo      | 8C | Khoa học Tự nhiên (7C), Toán (8C, 8D, 8E), HĐTN (8C)           |
| 33 | Trần Thị Lệ Thủy   |    | Lịch sử và địa lý (6C, 6D, 8D, 8E), GD&ĐT (9A,B,C,D,E,F)       |
| 34 | Đoàn Thị Tình      | 9C | Ngữ văn (7E, 9C, 9F), HĐTN (9C)                                |
| 35 | Lê Văn Trường      | 6C | Ngữ văn (6C, 8A, 8E), HĐTN (6C), GD&ĐT (7D, 7E)                |
| 36 | Đỗ Thị Túế         | 6B | Toán (6A, 6B), HĐTN (6B), Công nghệ (8A, 8B, 8C, 8D, 8E)       |